

Số: 542/QĐ-HVM

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục tại Học viện Kỹ thuật mật mã

#### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN KỸ THUẬT MẬT MÃ

Căn cứ Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Căn cứ Thông tư số 54/2014/TT-BQP ngày 12/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của Học viện Kỹ thuật mật mã thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ và Quyết định số 563/QĐ-BCY ngày 02/12/2022 của Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ quy định cơ cấu tổ chức, biên chế của Học viện Kỹ thuật mật mã;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục tại Học viện Kỹ thuật mật mã.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, cán bộ, giảng viên, học viên, sinh viên Học viện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các phó giám đốc (để chỉ đạo);
- Công đoàn Học viện;
- Hội Phụ nữ Học viện;
- Đoàn Thanh niên Học viện;
- Lưu VT, KT.TA25.

GIÁM ĐỐC

Hoàng Văn Thúc

**QUY ĐỊNH**  
**Về hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục đại học**  
**tại Học viện Kỹ thuật mật mã**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 542/QĐ-HVM ngày 31 tháng 5 năm 2023  
của Giám đốc Học viện Kỹ thuật mật mã)

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Văn bản này quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục (ĐBCLGD), việc thực hiện các quy định, tiêu chuẩn về ĐBCLGD tại Học viện Kỹ thuật mật mã; cơ cấu tổ chức hệ thống ĐBCLGD và trách nhiệm, quyền hạn của các đơn vị, cá nhân có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng Quy định này bao gồm:

a) Các phòng, Khoa, Trung tâm, Hệ, Viện, Phân hiệu trực thuộc Học viện Kỹ thuật mật mã (sau đây gọi chung là các đơn vị).

b) Giảng viên, cán bộ, nhân viên, người học thuộc thẩm quyền quản lý của Học viện Kỹ thuật mật mã.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ sở giáo dục (CSGD), trừ trường hợp ngữ cảnh quy định cách hiểu khác, là Học viện Kỹ thuật mật mã thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ, bao gồm cơ sở tại Hà Nội và Phân hiệu tại thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chất lượng giáo dục: là sự đáp ứng các mục tiêu do CSGD đề ra, đảm bảo các yêu cầu về mục tiêu giáo dục của Luật giáo dục đại học, phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Ngành Cơ yếu và cho xã hội.

3. Đảm bảo chất lượng giáo dục (ĐBCLGD): là sự cam kết thực hiện tiêu chuẩn, tiêu chí và quy trình quản lý chất lượng để thực hiện được mục tiêu chất lượng của CSGD.

4. Hệ thống ĐBCLGD: là sự kết hợp của các quan điểm, chủ trương, chính sách, cơ cấu bộ máy, cơ chế, công cụ, tiêu chuẩn, quy trình, quy định cùng các nguồn lực để duy trì, nâng cao chất lượng giáo dục.

5. Hoạt động ĐBCLGD: là hoạt động của hệ thống ĐBCLGD để hiện thực hóa các nội dung ĐBCLGD của CSGD.

6. Quy trình ĐBCLGD: là các thủ tục và trình tự triển khai các hoạt động ĐBCLGD.

7. Đánh giá chất lượng giáo dục: là quá trình sử dụng các phương thức, công cụ để xác định mức độ đáp ứng mục tiêu đề ra đối với CSGD hoặc chương trình đào tạo (CTĐT).

8. Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục: là mức độ yêu cầu và điều kiện mà CSGD hoặc chương trình đào tạo phải đáp ứng để được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

9. Tự đánh giá chất lượng giáo dục: là quá trình CSGD tự xem xét, đối chiếu với các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục để báo cáo về tình trạng chất lượng của CSGD hoặc CTĐT, hiệu quả các hoạt động ĐBCLGD làm cơ sở để tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn.

10. Đánh giá ngoài chất lượng giáo dục: là việc một tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục khảo sát, xem xét để xác định mức độ một CSGD hoặc CTĐT đáp ứng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục.

11. Kiểm định chất lượng giáo dục: là việc một tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đánh giá và công nhận mức độ một CSGD hoặc CTĐT đáp ứng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục.

12. Cải tiến chất lượng giáo dục: là hoạt động điều chỉnh hệ thống văn bản, quy định, quy trình kết hợp với các nguồn lực để khắc phục các hạn chế, thiếu sót của CSGD và các CTĐT nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

13. Văn hóa chất lượng: là hệ thống các giá trị, chuẩn mực, niềm tin và cách thức làm việc có chất lượng và hiệu quả được định hình trong từng thành viên của CSGD.

14. Đối sánh: là một quá trình đối chiếu, so sánh liên tục và có hệ thống các yếu tố, hiệu quả hoạt động trong một cơ sở giáo dục với các đơn vị bên trong và bên ngoài có thực tiễn tốt hơn nhằm cải tiến hoạt động.

15. Các bên liên quan: các bên liên quan đến CSGD bao gồm: người học, giảng viên, nhân viên, đội ngũ lãnh đạo quản lý, nhà sử dụng lao động, các đối tác, gia đình người học, cơ quan quản lý trực tiếp, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và tổ chức cá nhân có liên quan khác.

16. Trách nhiệm giải trình: là trách nhiệm giải thích việc thực thi nhiệm vụ, công vụ hay những vấn đề liên quan đến trách nhiệm quản lý của CSGD khi được yêu cầu.

### **Điều 3. Nguyên tắc đảm bảo chất lượng giáo dục tại Học viện**

1. Tâm nhìn và sứ mạng của Học viện đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

2. Học viện xây dựng và thực hiện các cam kết về chất lượng. Các cam kết về chất lượng cần được thể hiện trong các tuyên bố về chính sách, quy định về đảm bảo chất lượng và các kế hoạch chiến lược của Học viện.

3. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của Học viện phải có cấu trúc hợp lý, vận hành hiệu quả, xác định rõ ràng trách nhiệm của các bộ phận.

4. Học viện cần có cơ chế và công cụ giám sát, định kỳ đánh giá việc thực hiện các cam kết về chất lượng và công bố công khai việc thực hiện các cam kết về chất lượng và có kế hoạch cải tiến chất lượng.

5. Học viện thực hiện đầy đủ trách nhiệm giải trình với các bên liên quan. Khi có quy định, hướng dẫn thích hợp của các cơ quan quản lý Nhà nước, Học viện cần tham gia kiểm định chất lượng cấp CSGD và CTĐT để thể hiện trách nhiệm giải trình với xã hội.

6. Đảm bảo sự tham gia và hợp tác của tất cả các bên liên quan vào hoạt động ĐBCLGD.

## **Chương II**

### **HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CỦA HỌC VIỆN KỸ THUẬT MẬT MÃ**

#### **Điều 4. Hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục của Học viện**

1. Hệ thống ĐBCLGD tại Học viện Kỹ thuật mật mã gồm 2 cấp: cấp Học viện và cấp đơn vị.

2. Hệ thống ĐBCLGD cấp Học viện gồm Hội đồng ĐBCLGD của Học viện Kỹ thuật mật mã và bộ phận chuyên trách về ĐBCLGD cấp Học viện là Phòng KT&ĐBCLĐT.

3. Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm về hoạt động ĐBCLGD tại đơn vị mình.

#### **Điều 5. Hội đồng đảm bảo chất lượng giáo dục Học viện**

1. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng ĐBCLGD Học viện:

a) Hội đồng ĐBCLGD của Học viện gồm Ban Giám đốc Học viện, đại diện các đơn vị thuộc Học viện và các thành viên khác. Trong đó, Giám đốc Học viện là Chủ tịch Hội đồng, các Phó Giám đốc Học viện là các Phó Chủ tịch Hội đồng, Trưởng phòng KT&ĐBCLĐT là Ủy viên thường trực Hội đồng.

b) Giám đốc Học viện quyết định thành lập, giải thể Hội đồng, bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng.

2. Chức năng của Hội đồng ĐBCLGD Học viện:

Hội đồng có chức năng tư vấn cho Giám đốc Học viện về các vấn đề liên quan đến công tác ĐBCLGD nhằm duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục của Học viện.

3. Nhiệm vụ của Hội đồng ĐBCLGD Học viện:

a) Tư vấn xây dựng mục tiêu chất lượng, kế hoạch đảm bảo chất lượng của Học viện qua các giai đoạn.

b) Tư vấn xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau hoạt động đánh giá chất lượng CSGD và CTĐT.

c) Tư vấn các vấn đề khác liên quan đến ĐBCLGD của Học viện.

4. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng ĐBCLGD Học viện:

a) Hội đồng họp tối thiểu mỗi năm 1 lần. Cuộc họp Hội đồng được tiến hành khi có tối thiểu 2/3 số thành viên Hội đồng tham dự.

b) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ. Các kết luận của Hội đồng được biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, tùy theo quyết định của người chủ trì cuộc họp. Kết luận của Hội đồng được thông qua khi có quá 50% số thành viên tham dự họp đồng ý.

#### **Điều 6. Hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục của các đơn vị**

1. Xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai công tác ĐBCLGD tại đơn vị.
2. Lưu trữ tài liệu liên quan đến hoạt động ĐBCLGD tại đơn vị.
3. Báo cáo kết quả thực hiện công tác ĐBCLGD của đơn vị tới Hội đồng ĐBCLGD của Học viện (thông qua Phòng KT&ĐBCLĐT).
4. Phối hợp triển khai hoạt động ĐBCLGD của Học viện.

#### **Điều 7. Nhiệm vụ của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo trong hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục của Học viện**

1. Tổ chức xây dựng và trình Học viện ban hành các quy định, kế hoạch, hướng dẫn, quy trình, biểu mẫu triển khai thực hiện công tác ĐBCLGD.
2. Chủ trì tổ chức triển khai các hoạt động ĐBCLGD trong toàn Học viện.
3. Thống kê và báo cáo kết quả công tác ĐBCLGD theo yêu cầu của Học viện.
4. Giúp Hội đồng ĐBCLGD của Học viện chuẩn bị nội dung và chương trình làm việc các kỳ họp.

### **Chương III**

#### **ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRONG CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC VIỆN KỸ THUẬT MẬT MÃ**

#### **Điều 8. Quản trị đại học**

1. Học viện áp dụng các phương pháp, công cụ hiện đại và chuyển đổi số để quản trị đơn vị một cách hiệu quả.
2. Sự hài lòng của các bên liên quan đối với công tác quản trị của Học viện được xác lập, giám sát để cải tiến.

### **Điều 9. Phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên**

1. Công tác phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên tuân thủ quy định của Đảng, Nhà nước và Ngành Cơ yếu. Năng lực của người được tuyển dụng phải phù hợp với vị trí tuyển dụng.

2. Cán bộ, giảng viên, nhân viên được tạo điều kiện để học tập, nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và phát triển toàn diện.

### **Điều 10. Xây dựng cơ sở vật chất**

1. Học viện tìm kiếm các nguồn lực tài chính để đầu tư phát triển cơ sở vật chất phục vụ mọi mặt hoạt động của Học viện.

2. Sự hài lòng của các bên liên quan về cơ sở vật chất của Học viện được xác lập, giám sát để cải tiến.

### **Điều 11. Xây dựng và cải tiến chương trình đào tạo**

1. Quy trình, thủ tục xây dựng, rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo được xác lập và được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp.

2. Việc xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo và các học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan.

3. Chương trình đào tạo, đề cương các học phần, kế hoạch giảng dạy được phổ biến đến các bên liên quan.

### **Điều 12. Tuyển sinh**

1. Kế hoạch tuyển sinh được xây dựng, công bố phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT; được truyền thông hiệu quả tới xã hội.

2. Chỉ tiêu tuyển sinh được xác định phù hợp với điều kiện của Học viện về đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên và cơ sở vật chất.

3. Các tiêu chí lựa chọn người học có chất lượng được xây dựng phù hợp cho từng CTĐT.

4. Việc tổ chức tuyển sinh, nhập học được thực hiện đúng quy định, được giám sát và cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả.

### **Điều 13. Giảng dạy và học tập**

1. Các hoạt động dạy và học được lựa chọn phù hợp với triết lý giáo dục và phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

2. Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng.

### **Điều 14. Nghiên cứu khoa học**

1. Cán bộ, giảng viên và người học được tạo điều kiện để tham gia nghiên cứu khoa học.

2. Kết quả nghiên cứu khoa học được ứng dụng vào hoạt động dạy học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Số lượng và chất lượng các công trình nghiên cứu khoa học được xác lập, giám sát để cải tiến.

#### **Điều 15. Đánh giá người học**

1. Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đánh giá mức độ người học đạt được các chuẩn đầu ra.

2. Các công cụ đánh giá, phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để đảm bảo tính chính xác, tin cậy và công bằng.

#### **Điều 16. Hỗ trợ người học**

1. Học viện bố trí nguồn lực để theo dõi quá trình học tập của người học và cung cấp sự hỗ trợ phù hợp để giúp người học tiến bộ, đạt được chuẩn đầu ra.

2. Học viện tổ chức các hoạt động kết nối người học với nhà tuyển dụng

3. Hiệu quả hoạt động hỗ trợ người học được giám sát; cơ chế hỗ trợ người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

#### **Điều 17. Phục vụ cộng đồng**

1. Học viện phân bổ một phần nguồn lực cho các hoạt động phục vụ cộng đồng; khuyến khích cán bộ, giảng viên, nhân viên, học viên và sinh viên tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng.

2. Kết quả, hiệu quả các hoạt động phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát để cải tiến.

#### **Điều 18. Giám sát kết quả đào tạo**

1. Tỷ lệ người học vượt, đạt, không đạt tiến độ học tập chuẩn của CTĐT được xác lập, giám sát để cải tiến.

2. Tỷ lệ người học đạt, không đạt yêu cầu các học phần được xác lập, giám sát để cải tiến.

3. Tỷ lệ thôi học, nguyên nhân thôi học được xác lập, giám sát để cải tiến.

4. Tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm được xác lập, giám sát để cải tiến.

5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và cải tiến.

### **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 19. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo**

1. Xây dựng, trình Giám đốc Học viện phê duyệt, triển khai và giám sát thực hiện các kế hoạch ĐBCLGD của Học viện.

2. Hỗ trợ chuyên môn đối với hoạt động của các đơn vị.

3. Báo cáo Giám đốc, Hội đồng ĐBCLGD về kết quả hoạt động ĐBCLGD hàng năm và theo giai đoạn chiến lược của Học viện.

**Điều 20. Các đơn vị thuộc Học viện**

1. Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch ĐBCLGD của đơn vị trên cơ sở kế hoạch ĐBCLGD của Học viện.
2. Phối hợp với Phòng KT&ĐBCLĐT trong việc xây dựng, triển khai thực hiện, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch ĐBCLGD của Học viện.

**Điều 21. Điều khoản thi hành**

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị báo cáo Ban Giám đốc (thông qua Phòng KT&ĐBCLĐT) xem xét điều chỉnh./.